

Số: 01-08/2025/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ: Số 23 lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0225 626 3333 Fax: 0225 3533 679
- Email: info@quangbinhjsc.com.vn Website: www.quangbinhjsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2025

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc); ☒

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con); ☐

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng). ☐

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

h

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2025 tại đường dẫn: <https://quangbinhjsc.com.vn/news/648-bao-cao-tai-chinh-ban-nien-da-duoc-kiem-toan-nam-2025>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên đã được kiểm toán năm 2025

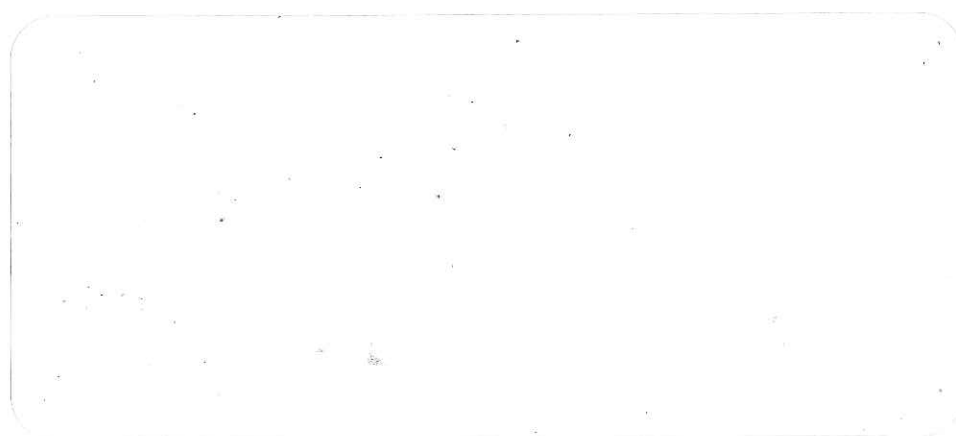
Đại diện tổ chức *lu*

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Thị Yến Chi



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
QUẢNG BÌNH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



MỤC LỤC

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 – 33



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200730878 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 và được thay đổi lần thứ 32 ngày 13 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Yến Chi	Chủ tịch
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trung	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của công ty là Bà Trần Thị Yến Chi - Chủ tịch HĐQT

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



Bà Trần Thị Yến Chi
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Số: 21071/2025/BCSX/IAV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2025, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị Công ty

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 - soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025, Chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận số dư của các khoản công nợ: Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn và Phải trả người bán ngắn hạn khác tại ngày 30/06/2025 với số tiền lần lượt khoảng 525 tỷ VND; 130,5 tỷ VND và 7,4 tỷ VND. Các thủ tục kiểm toán thay thế không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên. Các đối chiếu xác nhận tại ngày 31/12/2024 cũng không thu thập được và các thủ tục kiểm toán khác không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên cùng với các điều chỉnh (nếu có) đối các với khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi lần lượt với giá trị khoảng 341,7 tỷ VND và 354,3 tỷ VND.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kết luận. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty lỗ một khoản 14 tỷ VND. Tại thời điểm 31/12/2024, Lỗ lũy kế của Công ty là khoảng 401,7 tỷ VND, tương ứng 57% vốn chủ sở hữu. Đồng thời, tại thời điểm phát hành Báo cáo này Công đang bị cưỡng chế hóa đơn do không hoàn thành các nghĩa vụ về thuế. Những sự kiện này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty vẫn được trình bày theo giả định liên tục.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Kiểm toán viên từ chối đưa ra kết luận đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ này tại Báo cáo soát xét số 443/2024/UHY-BCSX vào ngày 14 tháng 08 năm 2024

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến đối với Báo cáo tài chính này tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 383/2025/UHYHN-BCKT vào ngày 31 tháng 03 năm 2025.



Đỗ Thị Thanh Huyền

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2421-2024-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		311.853.496.714	326.093.629.601
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	10.251.086.329	10.224.908.453
1.	Tiền	111		251.086.329	224.908.453
2.	Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		301.549.600.122	315.848.224.252
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	525.045.300.280	525.791.380.280
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	130.583.268.893	131.543.268.893
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	289.826.211	289.826.211
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(354.368.795.262)	(341.776.251.132)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		52.810.263	20.496.896
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	608.668	76.091
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.201.595	20.420.805
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.311.270.579	8.621.623.333
II.	Tài sản cố định	220		8.310.212.761	8.619.060.967
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	8.310.212.761	8.619.060.967
	- Nguyên giá	222		15.377.198.132	15.377.198.132
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.066.985.371)	(6.758.137.165)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.057.818	2.562.366
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	1.057.818	2.562.366
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		320.164.767.293	334.715.252.934

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		30.227.667.080	30.685.857.418
I. Nợ ngắn hạn	310		30.227.667.080	30.685.857.418
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	7.425.758.169	7.207.894.724
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	3.666.736.241	4.332.108.240
3. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	741.948.533	752.630.317
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	10.617.000.000	10.617.000.000
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		289.937.100.213	304.029.395.516
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12	289.937.100.213	304.029.395.516
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(415.805.529.084)	(401.713.233.781)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(401.713.233.781)	(261.249.683.863)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14.092.295.303)	(140.463.549.918)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		320.164.767.293	334.715.252.934

0878-0
CÔNG TY
HÀ NỘI
XUẤT NHẬP KHẨU
QUẢNG BÌNH
HẢI PHÒNG

Người lập biểu
Nguyễn Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Trung

Chủ tịch HĐQT
Trần Thị Yến Chi
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	75.000.000	55.414.335.400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		75.000.000	55.414.335.400
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	44.728.614	55.401.935.633
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		30.271.386	12.399.767
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	94.329.943	115.892.632
7. Chi phí tài chính	22	5.4	86.027.653	126.737.988
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	585.571
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	18.062.372	27.093.552
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	13.891.327.265	42.960.600.361
10. Lỗ từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(13.870.815.961)	(42.986.139.502)
11. Thu nhập khác	31	5.7	-	226.228.677
12. Chi phí khác	32	5.8	221.479.342	1.937.006.048
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(221.479.342)	(1.710.777.371)
14. Lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(14.092.295.303)	(44.696.916.873)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	-	4.318.050.844
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(14.092.295.303)	(49.014.967.717)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	(203)	(707)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(203)	(707)

Người lập biểu
Nguyễn Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Trung

Chủ tịch HĐQT
Trần Thị Yến Chi
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. <i>Lỗ trước thuế</i>	1		(14.092.295.303)	(44.696.916.873)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	2		308.848.206	487.016.156
- Các khoản dự phòng	3		12.592.544.130	40.668.394.010
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		63.013.872	140.614
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(94.329.943)	(342.121.309)
- Chi phí lãi vay	6		-	585.571
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		(1.222.219.038)	(3.882.901.831)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		1.674.299.210	(51.200.634.139)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	55.308.044.791
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		341.725.154	2.257.025.364
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		971.971	4.390.112
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(585.571)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(863.500.000)	(1.610.480.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(68.722.703)	874.858.726
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	2.263.636.364
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		94.329.943	115.892.632
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		94.329.943	2.379.528.996

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(3.126.666.686)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>-</i>	<i>(3.126.666.686)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	25.607.240	127.721.036
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.224.908.453	10.175.244.925
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	570.636	(140.614)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	10.251.086.329	10.302.825.347



Người lập biểu
Nguyễn Thị Thanh Thúy



Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Trung



Chủ tịch HĐQT
Trần Thị Yến Chi
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200730878 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 và được thay đổi lần thứ 32 ngày 13 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 693.299.280.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi ba tỷ hai trăm chín mươi chín triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 69.329.928 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 11 người (ngày 30 tháng 06 năm 2024: 17 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là: Dịch vụ xuất khẩu hàng hóa; Bán buôn phân bón, bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Kho bãi và lưu trữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đối tượng thành viên của Công ty như sau:

Tên các đơn vị thành viên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình – Quảng Bình	Quảng Bình	Thương mại và dịch vụ

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đảm bảo tính so sánh thông tin.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định củng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết kỳ kế toán 06 tháng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.4. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7 năm

3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

3.8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi

phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.9. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

3.12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt (hoặc Cổ tức) được ghi nhận là một khoản phải trả tại ngày chốt quyền Cổ đông.

3.13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phản công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phản công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

3.14. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.15. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định.

3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	4.465.623	54.307.537
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	246.620.706	170.600.916
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.251.086.329	10.224.908.453

(*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng với lãi suất 1,9%/năm. Đây là hợp đồng tiền gửi ký quỹ có kỳ hạn nhằm mục đích đảm bảo thực hiện điều kiện kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh.

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	9.595.261.492	9.595.261.492
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hoàng Cầu	130.805.750.000	131.258.750.000
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	166.445.828.800	166.805.828.800
Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	107.316.072.995	107.316.072.995
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	99.040.155.500	99.050.155.500
Phải thu các khách hàng khác	11.842.231.493	11.765.311.493
	525.045.300.280	525.791.380.280

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	4.465.825.912
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	38.406.500.000	38.406.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Trần Trang	21.790.000.000	22.150.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	56.145.000.000	56.145.000.000
Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu Bách Việt Hà Nội	6.065.000.000	6.665.000.000
Trả trước cho người bán khác	3.710.942.981	3.710.942.981
	130.583.268.893	131.543.268.893

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09 a - DN

4.4. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn khác				
Ký quỹ, ký cược	112.500.000	-	112.500.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	149.216.622	(149.216.622)	149.216.622	(149.216.622)
Lãi tiền gửi	28.109.589	-	28.109.589	-
	289.826.211	(149.216.622)	289.826.211	(149.216.622)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
 THÀNH PHỐ QUẢNG BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09 a - DN

4.5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	107.316.072.995	-	107.316.072.995	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	166.805.828.800	113.078.939.690	53.726.889.110	123.729.592.550
- Công ty SW Intertrade Trading	4.486.106.650	1.037.648.541	3.448.458.109	1.488.400.111
- Công ty TNHH TM và Đầu tư Hoàng Cầu	130.805.750.000	48.406.405.000	82.399.345.000	48.859.405.000
- Công ty CP XNK Đức Nguyễn - VT	38.406.500.000	-	38.406.500.000	-
- Công ty CP XNK Hà Nội	99.040.155.500	49.520.077.750	99.060.155.500	51.031.217.450
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	19.551.452.298	-	19.551.452.298	-
	566.411.866.243	212.516.070.981	354.368.795.262	225.108.615.111
			566.884.866.243	341.776.251.132

4.6. Chi phí trả trước

4.6.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí phân bổ khác	608.668	76.091
	608.668	76.091

4.6.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.057.818	2.562.366
	1.057.818	2.562.366

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09 a - DN

4.7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu kỳ	11.214.964.082	397.272.773	2.933.840.453	831.120.824	15.377.198.132
Số cuối kỳ	11.214.964.082	397.272.773	2.933.840.453	831.120.824	15.377.198.132
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu kỳ	3.004.101.221	397.272.773	2.537.764.089	818.999.082	6.758.137.165
Tăng trong kỳ	222.616.778	-	82.190.854	4.040.574	308.848.206
- Khấu hao trong kỳ	222.616.778	-	82.190.854	4.040.574	308.848.206
Số cuối kỳ	3.226.717.999	397.272.773	2.619.954.943	823.039.656	7.066.985.371
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu kỳ	8.210.862.861	-	396.076.364	12.121.742	8.619.060.967
Số cuối kỳ	7.988.246.083	-	313.885.510	8.081.168	8.310.212.761

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30 tháng 06 năm 2025 là 3.325.481.633 VND (Tại 01 tháng 01 năm 2025 là 2.473.610.633 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4.8. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Công nghiệp lạnh Hưng Trí	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất tại Hải Phòng	888.362.000	888.362.000	888.362.000	888.362.000
- Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	1.039.530.800	1.039.530.800	1.039.530.800	1.039.530.800
- Fagro Internatoinal Trading Fze	3.211.017.654	3.211.017.654	3.124.322.623	3.124.322.623
- Các đối tượng khác	1.024.347.715	1.024.347.715	893.179.301	893.179.301
	7.425.758.169	7.425.758.169	7.207.894.724	7.207.894.724

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

4.9. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	23.167.899	-	1.920.000	25.087.899	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.161.930.844	-	-	863.500.000	1.298.430.844	-
Thuế thu nhập cá nhân	304.254	-	1.893.639	2.077.081	120.812	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.146.705.243	-	221.479.342	-	2.368.184.585	-
	4.332.108.240	-	229.292.981	894.664.980	3.666.736.241	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.10. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	459.824	11.141.608
Các khoản phải trả, phải nộp khác	741.488.709	741.488.709
- Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	741.488.709	741.488.709
	741.948.533	752.630.317

4.11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	10.617.000.000	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000	10.617.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân	10.617.000.000	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000	10.617.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Bình (1)	10.617.000.000	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000	10.617.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.617.000.000	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000	10.617.000.000

(1) Vay cá nhân: Vay cá nhân ông Nguyễn Thanh Bình hợp đồng số 06-2021/HĐVT/QB-NTBF với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp; Phụ lục hợp đồng vay tiền số 01-062021/HĐVT/QB-NTBF ngày 01/11/2022 về thay đổi thời hạn vay thành 24 tháng. Hai bên đã ký biên bản bù trừ công nợ số 1204/BTKV/QB-NTBF ngày 12/04/2024 để thống nhất sau khi bù trừ công nợ Công ty XNK Quảng Bình còn nợ ông Nguyễn Thanh Bình số tiền là 10.617.000.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(261.249.683.863)	444.492.945.434
Giảm trong kỳ trước	-	-	-	(140.463.549.918)	(140.463.549.918)
- <i>Lỗi trong kỳ trước</i>	-	-	-	(140.463.549.918)	(140.463.549.918)
Số dư cuối kỳ trước	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(401.713.233.781)	304.029.395.516
Số dư đầu kỳ này	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(401.713.233.781)	304.029.395.516
Giảm trong kỳ này	-	-	-	(14.092.295.303)	(14.092.295.303)
- <i>Lỗi trong kỳ này</i>	-	-	-	(14.092.295.303)	(14.092.295.303)
Số dư cuối kỳ này	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(415.805.529.084)	289.937.100.213

4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000	13,27%
Các cổ đông khác	601.293.490.000	86,73%	601.293.490.000	86,73%
	693.299.280.000	100,00%	693.299.280.000	100,00%

4.12.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

4.12.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

4.13. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Dollar Mỹ (USD)	1.093,30	1.124,99

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	-	55.321.183.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.000.000	93.151.600
	75.000.000	55.414.335.400

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	55.308.044.791
Giá vốn cung cấp dịch vụ	44.728.614	93.890.842
	44.728.614	55.401.935.633

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	94.329.943	115.892.632
	94.329.943	115.892.632

5.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	-	585.571
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	23.013.781	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	63.013.872	126.152.417
	86.027.653	126.737.988

5.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.062.372	27.093.552
	18.062.372	27.093.552

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	622.653.730	1.099.914.873
Chi phí đồ dùng văn phòng	20.822.688	25.012.547
Chi phí khấu hao tài sản cố định	246.057.220	385.481.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	409.249.497	712.086.605
Chi phí khác bằng tiền	-	69.710.564
Chi phí dự phòng	12.592.544.130	40.668.394.010
	13.891.327.265	42.960.600.361



5.7. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	226.228.677
	-	226.228.677

5.8. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	221.479.342	1.937.006.048
	221.479.342	1.937.006.048

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	-	4.318.050.844
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	4.318.050.844

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(14.092.295.303)	(44.696.916.873)
- Các khoản điều chỉnh tăng	221.479.342	2.190.352.465
+) <i>Chi phí không được trừ</i>	221.479.342	2.190.352.465
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.870.815.961)	(42.506.564.408)
Thu nhập từ HĐKD chịu thuế suất 20%	(13.870.815.961)	(42.506.564.408)
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	-	-
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD được ưu đãi (thuế suất 10%)	-	-
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD chịu thuế suất 20%	-	-
Điều chỉnh bổ sung chi phí thuế TNDN truy thu các năm trước	-	4.318.050.844
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	-	4.318.050.844

Mẫu số B09a - DN

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(14.092.295.303)	(49.014.967.717)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(14.092.295.303)	(49.014.967.717)
<i>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)</i>	69.329.928	69.329.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ Cổ phiếu)	(203)	(707)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	20.822.688	25.012.547
Chi phí nhân công	622.653.730	1.099.914.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	308.848.206	487.016.156
Chi phí dự phòng	12.592.544.130	40.668.394.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	409.249.497	712.086.605
Chi phí khác bằng tiền	-	89.160.564
	13.954.118.251	43.081.584.755

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	10.251.086.329	10.224.908.453	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	170.966.331.229	184.304.955.359	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	181.217.417.558	194.529.863.812	-	-

/6

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.167.706.702	7.960.525.041	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Vay và nợ	10.617.000.000	10.617.000.000	-	-
	18.784.706.702	18.577.525.041	-	-

(i) Giá trị ghi sổ được ghi nhận theo giá trị thuần, tức là đã trừ đi dự phòng

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế.

6.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày đầu kỳ				
Tiền và tương đương tiền	10.224.908.453	-	-	10.224.908.453
Phải thu khách hàng, phải thu khác	184.304.955.359	-	-	184.304.955.359
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	194.529.863.812	-	-	194.529.863.812

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Sau 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày đầu kỳ				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.960.525.041	-	-	7.960.525.041
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Vay và nợ	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000
	18.577.525.041	-	-	18.577.525.041
	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày cuối kỳ				
Tiền và tương đương tiền	10.251.086.329	-	-	10.251.086.329
Phải thu khách hàng, phải thu khác	170.966.331.229	-	-	170.966.331.229
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	181.217.417.558	-	-	181.217.417.558
	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Sau 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày cuối kỳ				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.167.706.702	-	-	8.167.706.702
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Vay và nợ	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000
	18.784.706.702	-	-	18.784.706.702

Hội đồng quản trị đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

7.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

7.3. Thông tin về bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7.4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.4.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị			
Bà Trần Thị Yến Chi	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/06/2024)	111.430.818	-
Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/06/2024)	-	121.940.884
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT	-	77.385.706
Ban kiểm soát			
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	67.103.293	68.952.811
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Hoàng Văn Hưng	Giám đốc	65.675.033	70.984.362
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc đối ngoại (miễn nhiệm ngày 18/03/2024)	-	67.055.804
Ban kiểm toán nội bộ			
Bà Lê Thị Hiệp	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	6.000.000	6.000.000
		250.209.144	412.319.567

7.5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



Người lập biểu
Nguyễn Thị Thanh Thúy



Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Trung



Chủ tịch HĐQT
Trần Thị Yến Chi
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2025





Trụ sở chính:

A - TT5 - 3 Khu nhà ở Him Lam Vạn Phúc,
P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Tel: +84 247 303 3668

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh:

20D Phan Văn Sửu, P.13,
Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 28 2249 7766

Chi nhánh Hải Phòng:

29A/56 Phương Lưu, P. Vạn Mỹ
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: +84 904 540 634

Chi nhánh Hà Nội:

Số 52 Phố Dịch Vọng, P. Dịch Vọng,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: +84 901 707 127

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Lời đầu tiên, Công ty CP XNK Quảng Bình xin gửi lời chào trân trọng đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước Việt Nam cùng Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC 6 tháng đầu năm 2025 lỗ như sau:

- Doanh thu 6 tháng đầu năm 2025 đạt 0,075 tỷ đồng, giá vốn 6 tháng đầu năm 2025 đạt 0,045 tỷ đồng. Sự sụt giảm trên do: nửa đầu năm 2025 giá bán Ure sụt giảm và duy trì ở mức thấp do các nhà sản xuất ở châu Âu mở rộng sản xuất nhờ giá nguyên, nhiên liệu đầu vào giảm khi nguồn khí đốt tự nhiên tăng lên và nhập khẩu LNG dồi dào. Bên cạnh đó, nguồn cung có xu hướng gia tăng trở lại sau khi Trung Quốc bãi bỏ lệnh cấm xuất khẩu cũng ảnh hưởng đến diễn biến giá các loại phân bón. Nguồn hàng cung cấp trong nước khó cạnh tranh với nguồn hàng nước ngoài, cũng như các nhà máy sản xuất phân bón trong nước gặp khó khăn khi mua dự trữ nguyên liệu lúc giá cao, khiến giá thành sản xuất phân bón cao, việc bán hàng của các nhà máy sản xuất phân bón lớn trong nước chậm lại, hơn nữa, việc thiếu hụt nguyên liệu quặng trong nước khiến việc sản xuất phân bón ngừng trệ gần nửa năm 2025, nên công ty chưa thể đẩy mạnh thương mại phân bón.

- Tổng doanh thu tài chính 6 tháng đầu năm 2025 đạt 0,094 tỷ đồng. Tổng chi phí tài chính 6 tháng đầu năm 2025 là 0,086 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2025 là 13,89 tỷ đồng do Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi thêm 12,59 tỷ.

Do các nguyên nhân trên, lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty Quảng Bình lỗ -14,92 tỷ đồng.

Trên đây là toàn bộ giải trình của Công ty về chỉ tiêu số 60 Lợi nhuận sau thuế trên BCTC 6 tháng đầu năm 2025 lỗ theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi

-Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



1

CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Thị Yến Chi

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số: 10/T8/2025/PKT

v/v: Giải trình về chênh lệch
lợi nhuận sau thuế

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
*******000*******

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Lời đầu tiên, Công ty CP XNK Quảng Bình xin gửi lời chào trân trọng đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước Việt Nam cùng Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC 6 tháng đầu năm 2025 chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm 2024 như sau:

- Doanh thu 6 tháng đầu năm 2025 đạt 0,075 tỷ đồng, giảm mạnh 55,339 tỷ đồng tương ứng giảm 99,86% so với doanh thu 6 tháng đầu năm 2024. Giá vốn 6 tháng đầu năm 2025 đạt 0,045 tỷ đồng, giảm 55,357 tỷ đồng tương ứng giảm 99,92 % so với giá vốn cùng kỳ năm 2024. Sự sụt giảm trên do: nửa đầu năm 2025 giá bán Ure sụt giảm và duy trì ở mức thấp do các nhà sản xuất ở châu Âu mở rộng sản xuất nhờ giá nguyên, nhiên liệu đầu vào giảm khi nguồn khí đốt tự nhiên tăng lên và nhập khẩu LNG dồi dào. Bên cạnh đó, nguồn cung có xu hướng gia tăng trở lại sau khi Trung Quốc bãi bỏ lệnh cấm xuất khẩu cũng ảnh hưởng đến diễn biến giá các loại phân bón. Nguồn hàng cung cấp trong nước khó cạnh tranh với nguồn hàng nước ngoài, cũng như các nhà máy sản xuất phân bón trong nước gặp khó khăn khi mua dự trữ nguyên liệu lúc giá cao, khiến giá thành sản xuất phân bón cao, việc bán hàng của các nhà máy sản xuất phân bón lớn trong nước chậm lại, hơn nữa, việc thiếu hụt nguyên liệu quặng trong nước khiến việc sản xuất phân bón ngừng trệ gần nửa năm 2025, nên công ty chưa thể đẩy mạnh thương mại phân bón.

- Tổng doanh thu tài chính 6 tháng đầu năm 2025 đạt 0,094 tỷ đồng, giảm 18,61% so với doanh thu tài chính 6 tháng đầu năm 2024. Tổng chi phí tài chính 6 tháng đầu năm 2025 là 0,086 tỷ đồng giảm 32,12% so với chi phí tài chính cùng kỳ năm 2024.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2025 đạt 13,89 tỷ đồng, giảm 29,069 tỷ đồng tương ứng giảm 67,66% so với chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 do 6 tháng đầu năm 2025 công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi thêm 12,59 tỷ đồng - 6 tháng đầu năm 2024 trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 40,67 tỷ đồng.



Handwritten signature

- Thu nhập khác giảm 0,226 tỷ đồng so với thu nhập khác cùng kỳ năm 2024 do 06 tháng đầu năm 2024 công ty có thực hiện giao dịch thanh lý tài sản cố định. Chi phí khác giảm 1,715 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024.

Vì các nguyên nhân trên, lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 tăng 34,922 tỷ đồng, tương ứng tăng 71,25% so với 6 tháng đầu năm 2024.

Trên đây là toàn bộ giải trình của Công ty về chỉ tiêu số 60 Lợi nhuận sau thuế trên BCTC 6 tháng đầu năm 2025 chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm 2024 theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Thị Yến Chi



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**
Số: 11/T8/2025/PKT

v/v: Giải trình về ý kiến kiểm toán

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
*******000*******

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Lời đầu tiên, Công ty CP XNK Quảng Bình xin gửi lời chào trân trọng đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước Việt Nam cùng Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về nội dung Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế từ chối đưa ra ý kiến và ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế từ chối đưa ra ý kiến:

- **Ý kiến của kiểm toán:** Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025, Chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận số dư của các khoản công nợ: Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn và Phải trả người bán ngắn hạn khác tại ngày 30/06/2025 với số tiền lần lượt khoảng 525 tỷ VND; 130,5 tỷ VND và 7,4 tỷ VND. Các thủ tục kiểm toán thay thế không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên. Các đối chiếu xác nhận tại ngày 31/12/2024 cũng không thu thập được và các thủ tục kiểm toán khác không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên cùng với các điều chỉnh (nếu có) đối các với khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi lần lượt với giá trị khoảng 341,7 tỷ VND và 354,3 tỷ VND.

• **Giải trình:** Trong quá trình kiểm toán tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế đã gửi thư xác nhận công nợ cho các khoản công nợ phải thu, phải trả còn số dư tại thời điểm 30/06/2025 của Công ty Chúng tôi. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này còn nhiều khách hàng chưa gửi thư xác nhận phản hồi cho các Kiểm toán viên. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế cũng đã gửi Công văn yêu cầu phía chúng tôi hỗ trợ liên hệ với các khách hàng và nhà cung cấp để đối chiếu xác nhận các khoản công nợ chưa được đối chiếu. Chúng tôi đã liên hệ với các đối tác có liên quan đến việc đối chiếu xác nhận số dư công nợ tại thời điểm 30/06/2025. Tuy nhiên hiện



6

nay đa số các đối tác đã không phản hồi lại thông tin như đã yêu cầu cung cấp. Do đó, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình chưa thu thập được đối chiếu các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn và Phải trả người bán ngắn hạn khác tại ngày 30/06/2025 với số tiền lần lượt khoảng 525 tỷ VND; 130,5 tỷ VND và 7,4 tỷ VND.

2. Giải trình về ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán:

- **Ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán:** Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty lỗ một khoản 14 tỷ VND. Tại thời điểm 31/12/2024, Lỗ lũy kế của Công ty là khoảng 401,7 tỷ VND, tương ứng 57% vốn chủ sở hữu. Đồng thời, tại thời điểm phát hành Báo cáo này Công ty đang bị cưỡng chế hóa đơn do không hoàn thành các nghĩa vụ về thuế. Những sự kiện này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty vẫn được trình bày theo giả định liên tục.

• **Giải trình ý kiến nhấn mạnh:** Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty đang tiến hành tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh, thu hồi vốn chi trả các khoản thanh toán quá hạn thanh toán với nhà cung cấp. Ngoài ra, công ty cũng thực hiện trích lập thêm dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 12,59 tỷ đồng. Công ty đang tích cực làm việc với đối tác nhằm đơn đốc thu hồi các khoản công nợ phải thu khách hàng đã quá hạn trên nhằm hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Đồng thời Công ty đang nghiên cứu đầu tư, triển khai, mở rộng các hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả. Do đó, Ban điều hành Công ty vẫn lập Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2025 trên cơ sở hoạt động liên tục.

Trên đây là toàn bộ giải trình của Công ty về các nội dung Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế từ chối đưa ra ý kiến cho Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



2

CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Thị Yến Chi

